

Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 56/2026/TLST – DS ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 (L3). Trụ sở: L4, số B đường T, phường Q, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Mạnh C – Chuyên viên xử lý nợ. Theo Giấy ủy quyền số 467/2026/UQ-XLN ngày 23/6/2026

* **Bị đơn:** - Bà Dương Thị L, sinh năm 1990

- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1986

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957

- Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1956

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Nguyễn Văn L1 và bà Dương Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD383202518 ngày 27/02/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202592 ngày 21/8/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202490 ngày 29/8/2024, Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/11/2024 và các khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng, tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 16/7/2026 là 5.252.154.012 đồng (năm

tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, không trăm mười hai đồng), trong đó gồm:

- Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD383202518 ngày 27/02/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202592 ngày 21/8/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202490 ngày 29/8/2024:

- + Nợ gốc: 4.784.533.922 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 9.419.697 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 393.377.772 đồng;
- Tổng cộng: 5.187.331.391 đồng

- Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/11/2024:

- + Nợ gốc: 49.280.000 đồng
- + Nợ lãi quá hạn: 15.542.621 đồng
- Tổng cộng: 64.822.621 đồng

Kể từ ngày 17/7/2026, ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Dương Thị L** còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng số HDTD383202518 ngày 27/02/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202592 ngày 21/8/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202490 ngày 29/8/2024, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/11/2024 và các khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ.

2.2 Phương án trả nợ: Chậm nhất đến 31/7/2026, ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Dương Thị L** thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu tính đến ngày 16/7/2026 là 5.252.154.012 đồng (năm tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, không trăm mười hai đồng), trong đó gồm:

- Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD383202518 ngày 27/02/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202592 ngày 21/8/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202490 ngày 29/8/2024:

- + Nợ gốc: 4.784.533.922 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 9.419.697 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 393.377.772 đồng;
- Tổng cộng: 5.187.331.391 đồng

- Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/11/2024:

- + Nợ gốc: 49.280.000 đồng
- + Nợ lãi quá hạn: 15.542.621 đồng
- Tổng cộng: 64.822.621 đồng

- Nợ lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán (theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số HDTD383202518 ngày 27/02/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202592 ngày 21/8/2025, Hợp đồng tín dụng số HDTD383202490 ngày 29/8/2024, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/11/2024 và các khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng) kể từ ngày 17/7/2026 cho đến khi trả xong khoản nợ.

Ghi nhận: Khi ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Dương Thị L** thanh toán toàn bộ nợ gốc, **Ngân hàng Thương mại cổ phần L2** sẽ trình cấp có thẩm quyền xem xét miễn giảm lãi cho ông **L1**, bà **L**.

2.3 Trường hợp ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Dương Thị L** không trả được toàn bộ khoản nợ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần L2** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất của Ông **Nguyễn Văn Q** và Bà **Dương Thị Đ** theo giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 419253, số vào sổ cấp GCN: H00964-1002/QĐ-UBND do **UBND huyện V**, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/11/2007, cụ thể như sau: Thửa đất số: 191, Tờ bản đồ số: 29, Địa chỉ thửa đất : **Thôn Đ, Xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Nay là: Thôn Đ, Xã Đ, tỉnh Hưng Yên)**, Diện tích: 220.0 m², Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 220.0 m²; Sử dụng chung: 0 m²; Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

2.4 Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Dương Thị L** với **Ngân hàng Thương mại cổ phần L2**. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Dương Thị L** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết Khoản nợ còn lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần L2**. Nếu số tiền thu từ tài sản thế chấp lớn hơn số tiền phải trả nợ thì phần giá trị còn thừa sẽ trả cho chủ sở hữu tài sản.

2.5 Về án phí: Ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Dương Thị L** chịu 56.626.000 (năm mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại **Ngân hàng Thương mại cổ phần L2** số tiền 56.506.000 đồng (năm mươi sáu triệu, năm trăm linh sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001624 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Hưng yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Vân Anh